

Quảng Trị, ngày 27 tháng 11 năm 2025

Số: 73/2025/QĐST- HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 84/2025/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “*Ly hôn*”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Dương Đình V, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1974. Căn cước số: 044074012373, cấp ngày: 12/6/2025. Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Nơi đăng ký NKTT: Thôn B, xã N, tỉnh Quảng Trị.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị X; sinh ngày 17 tháng 01 năm 1984. CCCD số: 044184009377, cấp ngày: 13/3/2022; Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Nơi đăng ký NKTT: Thôn B, xã N, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 19 tháng 11 năm 2025, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 19 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Dương Đình V và chị Lê Thị X.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ con chung: Anh Dương Đình V và chị Lê Thị X thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: Dương N, sinh ngày 14/02/2006 và Dương Cát P, sinh ngày 22/9/2007.

Anh V và chị X thống nhất, thỏa thuận sau khi ly hôn cả hai con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Dương Đình V và chị Lê Thị X đều thống nhất trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nên tại phiên hoà giải không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Dương Đình V và chị Lê Thị X phải chịu nộp toàn bộ 150.000 đồng án phí ly hôn. Nhưng anh, chị thỏa thuận để cho anh V nộp toàn bộ án phí. Được trừ vào số tiền anh Dương Đình V đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000335 ngày 30/9/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh Dương Đình V được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1, tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Phòng Thi hành án Dân sự KV1;
- UBND xã H, tỉnh Quảng Trị);
- Các đương sự (.....);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Phú Quảng